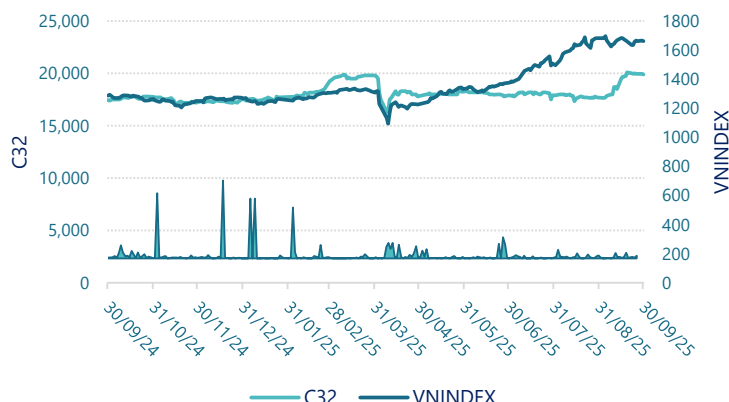


CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2 (HSX: C32)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,300
SL cổ phiếu LH	15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,515
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	299
P/E	21.3
EPS	936

DT thuần

Q3/25

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00 | -3.0%

YoY: ▲ 2.00 | 1.8%

LN sau thuế

Q3/25

13.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.1 | 320%

YoY: ▲ 9.20 | 236%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.0%

+/- YoY: ▲ 6.4%

DT thuần

9T 2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▼149 | -31.3%

LN sau thuế

9T 2025

8.68

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.17 | 57.7%

ROE

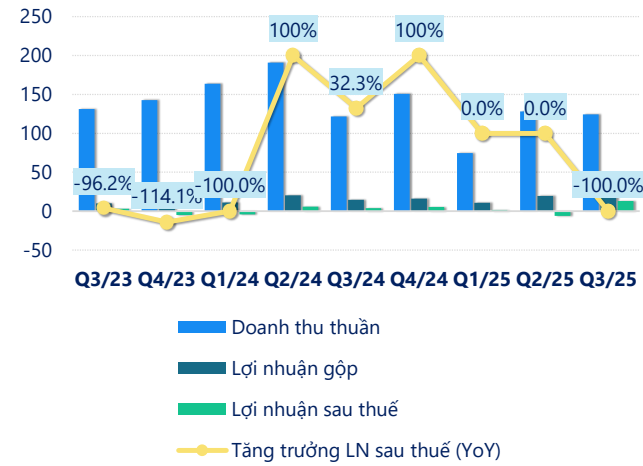
Q3/25

2.6%

+/- YoY: ▲ 2.5%

tỷ VNĐ

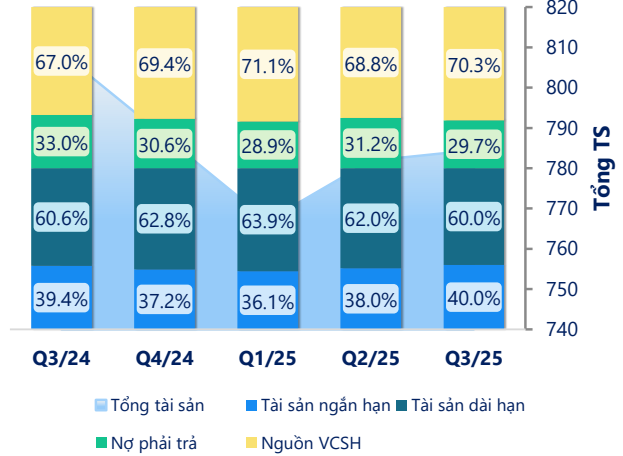
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

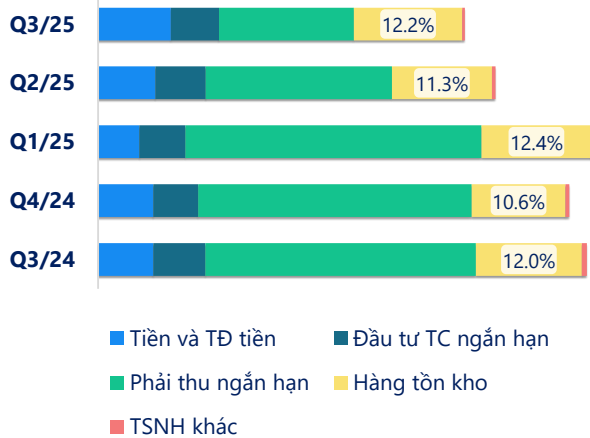
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



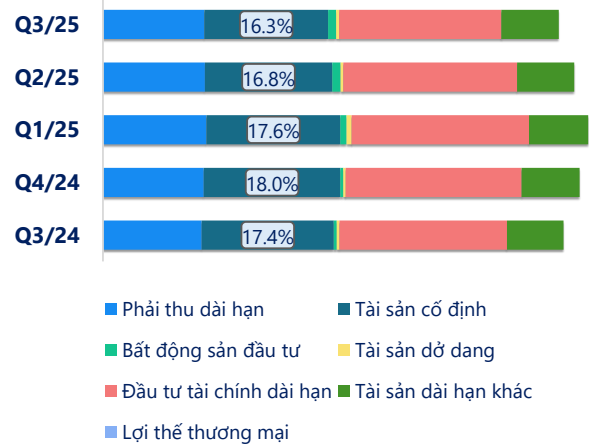
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

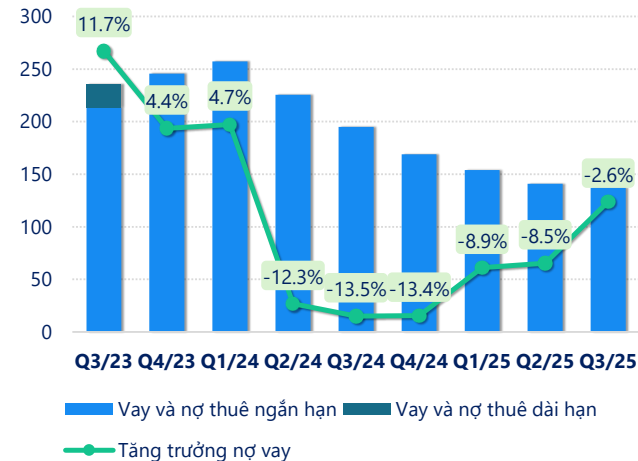
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

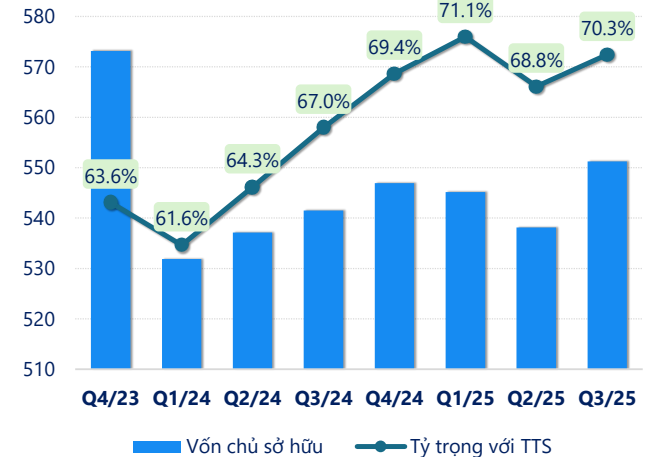
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

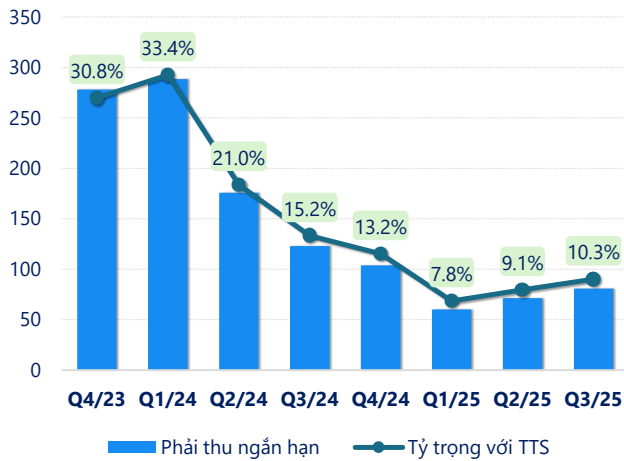
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



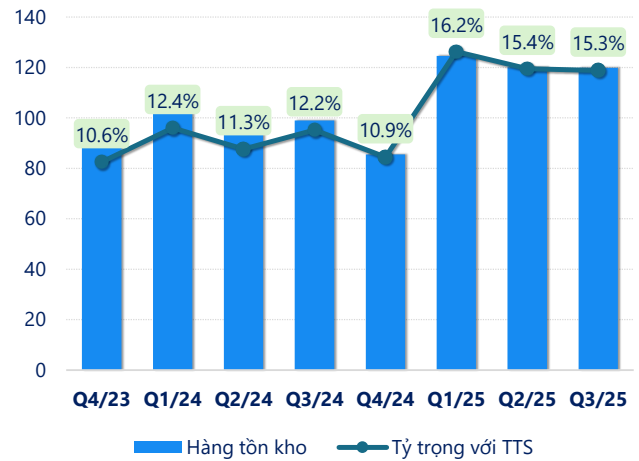
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


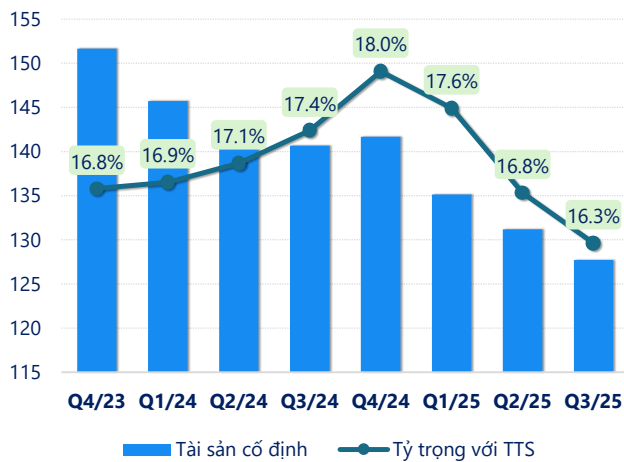
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


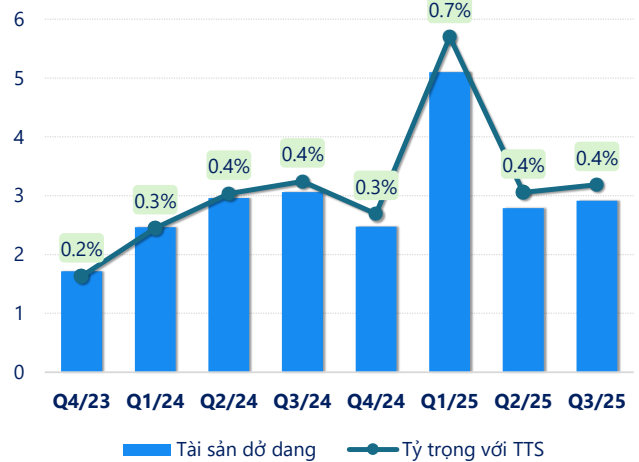
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

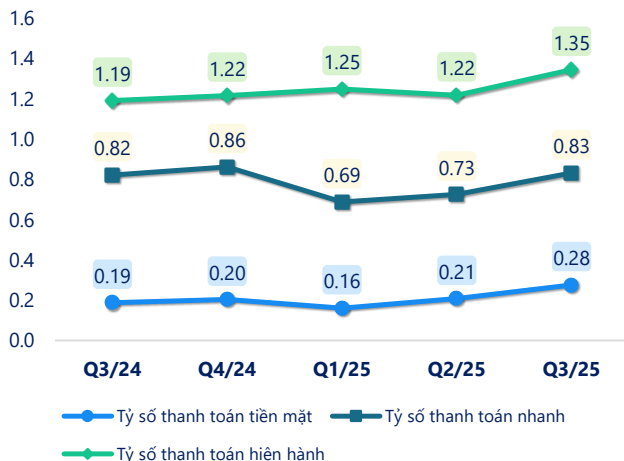
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

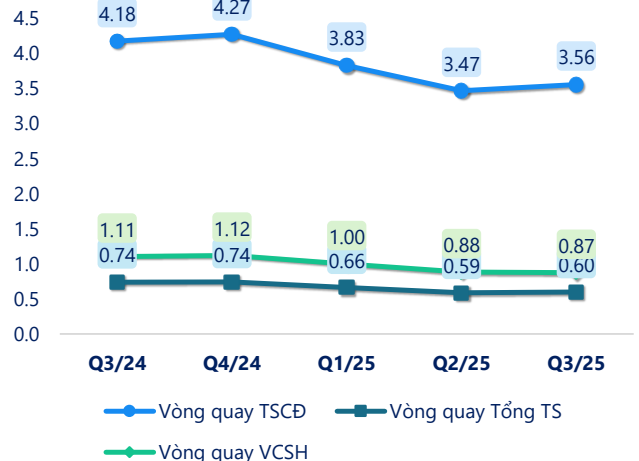
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	809	788	767	782	784
Tài sản ngắn hạn	319	293	277	297	314
Tiền và tương đương tiền	50.3	49.1	35.6	50.6	64.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.0	50.7	50.3	49.7	44.9
Phải thu ngắn hạn	123	104	60.1	71.2	80.8
Hàng tồn kho	98.9	85.6	125	120	120
Tài sản ngắn hạn khác	2.27	4.30	6.64	5.19	3.93
Tài sản dài hạn	490	495	490	485	471
Phải thu dài hạn	105	105	105	105	105
Tài sản cố định	141	142	135	131	128
Bất động sản đầu tư	2.98	2.88	6.15	8.63	8.43
Tài sản dở dang	3.06	2.48	5.10	2.79	2.92
Đầu tư tài chính dài hạn	178	183	179	179	168
Tài sản dài hạn khác	60.2	60.2	59.8	58.8	59.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	267	241	222	244	233
Nợ ngắn hạn	267	241	222	244	233
Vay và nợ thuê ngắn hạn	195	169	154	141	137
Phải trả người bán ngắn hạn	14.2	16.4	14.5	15.2	18.9
Nợ dài hạn	0	0	0.04	0.04	0.04
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	541	547	545	538	551
Vốn chủ sở hữu	541	547	545	538	551
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)